

BÁO CÁO KẾT QUẢ

“Khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên

Học kỳ II năm học 2020 - 2021”

1. Mục đích, yêu cầu, nội dung và đối tượng khảo sát

1.1. Mục đích

a) Đối với Nhà trường:

- Đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên thông qua phản hồi của sinh viên.

- Góp phần thực hiện quy chế dân chủ trong cơ sở giáo dục và thực hiện nhiệm vụ đảm bảo chất lượng giáo dục thường niên.

- Giúp Ban Giám hiệu, các Khoa/Bộ môn có cơ sở để nhận xét, đánh giá và có kế hoạch bồi dưỡng cho giảng viên.

b) Đối với giảng viên:

- Tạo thêm kênh thông tin giúp giảng viên tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy, hoàn thiện, phát huy năng lực giảng dạy về chuyên môn, tác phong sư phạm.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, mục tiêu đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường.

c) Đối với sinh viên:

- Tăng cường tinh thần trách nhiệm của sinh viên trong học tập và rèn luyện bản thân.

- Đảm bảo quyền lợi cho sinh viên, tạo điều kiện để sinh viên được phản ánh nguyện vọng và thể hiện chính kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

1.2. Yêu cầu của việc khảo sát

Công tác lấy ý kiến sinh viên được thực hiện theo quy trình cụ thể, công khai và phải tuân thủ theo những yêu cầu sau:

- Nội dung khảo sát phải đáp ứng yêu cầu Công văn số 7324/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 08/10/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công tác kiểm định chất lượng.

- Giảng viên và sinh viên phải được thông tin đầy đủ và hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc khảo sát.

- Sinh viên phải trung thực, khách quan và có thái độ đúng mực trong việc cung cấp thông tin phản hồi về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

- Thông tin phản hồi từ sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên phải được xử lý khách quan, trung thực, chính xác và phải được sử dụng đúng mục đích.

- Giảng viên phải tôn trọng, có tinh thần cầu thị trước kết quả xử lý thông tin phản hồi từ phía sinh viên về hoạt động giảng dạy của bản thân.

1.3. Nội dung khảo sát

- Nội dung, chất lượng học phần
- Hoạt động giảng dạy của giảng viên
- Tổ chức, quản lý học phần
- Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy – học

1.4. Đối tượng thực hiện khảo sát

Sinh viên ở trình độ đại học chính quy, vừa làm vừa học tham dự các học phần lý thuyết, thực hành, lâm sàng được triển khai trong kỳ II năm học 2020-2021 tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

2. Công cụ khảo sát, phương pháp khảo sát, tiêu chí đánh giá xếp loại

Phiếu khảo sát sử dụng thang đo Likert 05 mức độ:

- **Hoàn toàn không đồng ý** (tương ứng với 1 điểm);
- **Không đồng ý** (tương ứng với 2 điểm);
- **Bình thường** (tương ứng với 3 điểm);
- **Đồng ý** (tương ứng với 4 điểm);
- **Hoàn toàn đồng ý** (tương ứng với 5 điểm).

Phương pháp khảo sát:

Khảo sát bằng hình thức phát phiếu khảo sát trực tiếp đối với sinh viên hệ VLVH.

Khảo sát bằng phần mềm khảo sát người học-Unirate đối với sinh viên hệ chính quy

Căn cứ vào số phiếu có giá trị thống kê, sau khi xử lý thống kê, kết quả được phân loại như sau:

TT	Mức trung bình chung tích lũy	Mức ý kiến phản hồi	Hoạt động tiếp theo
1	4,21 - 5,00	Xuất sắc	Tiếp tục duy trì và phát triển
2	3,41 - 4,20	Tốt	Hoàn thiện nâng cao hơn nữa
3	2,61 - 3,40	Khá	Cải tiến hơn để nâng cao chất lượng đào tạo
4	1,81 - 2,60	Trung bình	Xây dựng kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo
5	1,00 - 1,80	Kém	Cần khắc phục ngay và nhanh chóng có kế hoạch hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo

3. Kết quả

3.1. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần lý thuyết

Kết quả khảo sát ý kiến sinh viên chính quy về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II năm học 2020-2021 đối với học phần lý thuyết thể hiện bảng sau:

Bảng 1: Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần lý thuyết

TT	Khoa/bộ môn	Số học phần LT	Số GV	Số phiếu khảo sát	Kết quả phản hồi học phần					
					Xuất sắc		Tốt		Khá	
					n	%	n	%	n	%
1	Khoa Y học cơ sở	10	5	1083	1	10.00	9	90.00	0	0.00
2	Khoa Điều dưỡng	13	7	2038	2	15.38	11	84.62	0	0.00
3	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	7	4	900	4	57.14	3	42.86	0	0.00
4	Khoa Y	25	19	1346	5	20.00	20	80.00	0	0.00
5	Khoa Xét nghiệm	22	10	1969	2	9.09	20	90.91	0	0.00
6	Khoa YHDP/YTCC	16	6	828	5	31.25	11	68.75	0	0.00
7	Khoa Phục hồi chức năng	8	3	626	7	87.50	1	12.50	0	0.00
8	BM Khoa học cơ bản	11	7	720	5	45.45	6	54.55	0	0.00
9	BM Y sinh học và di truyền	4	3	291	2	50.00	2	50.00	0	0.00
10	BM Ngoại ngữ	27	10	918	8	29.63	18	66.67	1	3.70
11	BM Chính trị	9	4	476	2	22.22	7	77.78	0	0.00
12	BM GDTC-GDQP	10	2	563	3	30.00	7	70.00	0	0.00
13	Học phần nhiều GV cùng giảng dạy	5	10	431	1	20.00	4	80.00	0	0.00
	Tổng	167	90	12189	47	28.14	119	71.26	1	0.60

Nhận xét:

Kết quả triển khai hoạt động khảo sát ý kiến sinh viên chính quy về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II năm học 2020 - 2021 thu được 12189 ý kiến phản hồi trên 167 học phần được khảo sát, tỉ lệ sinh viên phản hồi > 95%.

Khảo sát được 90 giảng viên thuộc 12 Khoa/Bộ môn. Trong đó có 28.14% số giảng viên được sinh viên phản hồi đạt mức xuất sắc, 71.26 % giảng viên đạt mức tốt và 0.60 % đạt mức khá, không có mức trung bình và yếu .

3.2. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần thực hành.

Kết quả khảo sát ý kiến sinh viên chính quy về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II năm học 2020 - 2021 đối với học phần thực hành thể hiện bảng sau:

Bảng 2: Thông tin chung về hoạt động khảo sát các học phần thực hành

TT	Khoa/bộ môn	Số học phần TH	Số giảng viên	Số phiếu khảo sát	Kết quả phản hồi học phần					
					Xuất sắc		Tốt		Khá	
					n	%	n	%	n	%
1	Khoa Xét nghiệm	32	20	437	0	0.00	32	100.00	0	0.00
2	Khoa Y	20	12	336	3	15.00	17	85.00	0	0.00
3	Khoa Phục hồi chức năng	18	5	497	17	94.44	1	5.56	0	0.00
4	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	26	9	761	20	76.92	6	23.08	0	0.00
5	Khoa Điều dưỡng	45	14	911	13	28.89	31	68.89	1	2.22
6	Khoa Y học cơ sở	12	4	264	5	41.67	7	58.33	0	0.00
9	BM Y sinh học và di truyền	4	2	149	2	50.00	2	50.00	0	0.00
10	BM Khoa học cơ bản	17	2	673	5	29.41	11	64.71	1	5.88
11	Học phần nhiều GV cùng giảng dạy	5	11	290	0	0.00	5	100.00	0	0.00
	Tổng	179	79	4318	65	36.31	112	62.57	2	1.12

Nhận xét: Qua lấy ý kiến phản hồi của sinh viên chính quy về hoạt động giảng dạy của giảng viên kỳ II thông qua các học phần thực hành đã khảo sát được 79 giảng viên. Trong đó có 36.31% số giảng viên được sinh viên phản hồi đạt mức xuất sắc, 62.57% giảng viên đạt mức tốt, 1.12% giảng viên mức khá, không có mức trung bình và yếu.

Số học phần khảo sát là 179 học phần, tỉ lệ phản hồi với mỗi học phần > 96.5%.

3.3. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với hoạt động dạy học lâm sàng

Kết quả khảo sát ý kiến sinh viên chính quy về hoạt động dạy học lâm sàng học kỳ II năm học 2020 – 2021 thể hiện bảng sau:

Bảng 3. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với hoạt động dạy học lâm sàng

Đặc điểm đối tượng khảo sát		Số lớp	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Hình thức học	Đại học chính quy	28	1688	93.66
Chuyên ngành đào tạo	Điều dưỡng đa khoa	5	381	97.38
	Điều dưỡng nha khoa	3	82	96.34
	Điều dưỡng Gây mê hồi sức	3	122	95.90
	Điều dưỡng Sản phụ khoa	3	57	91.23
	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	3	232	91.81
	Kỹ thuật Hình ảnh y học	4	329	92.40
	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	3	217	91.71
	Y đa khoa	4	268	91.79
Tổng:		28	1688	93.7

Nhận xét: Qua lấy ý kiến phản hồi của sinh viên chính quy về hoạt động dạy học lâm sàng kỳ II năm học 2020-2021 đã khảo sát được 28/28 lớp đạt tỷ lệ 100% với 1688 sinh viên tham gia khảo sát đạt tỷ lệ 93.7%.

3.4. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần lý thuyết

Bảng 4: Nội dung, chất lượng học phần đối với các học phần lý thuyết

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
4.1	CĐR/Mục tiêu học phần nêu rõ kiến thức và kỹ năng sinh viên cần đạt được	1.11	0.24	13.73	60.71	24.22	4.07
4.2	Thời lượng học phần được phân bổ hợp lý cho các hình thức học tập	1.12	0.24	13.52	61.97	23.15	4.06
4.3	Nội dung học phần có sự gắn kết, liên mạch với các học phần đã học, đang học	1.11	0.21	13.49	60.84	24.36	4.07
4.4	Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của sinh viên	1.10	0.25	13.49	61.53	23.62	4.06
4.5	Nội dung bài giảng, tài liệu học tập được cập nhật, phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	1.11	0.22	13.07	61.35	24.25	4.07
4.6	Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	1.08	0.29	13.63	61.64	23.36	4.06

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.06 - 4.07).

Tiêu chí “ Nội dung bài giảng, tài liệu học tập được cập nhật, phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 85.6 %.

Tiêu chí “ Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.37 %.

Bảng 5: Hoạt động giảng dạy đối với các học phần lý thuyết

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
5.1	Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định	1.06	0.22	12.53	61.96	24.23	4.08
5.2	Giảng viên phổ biến đầy đủ CDR/mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần	1.06	0.24	13.05	61.92	23.72	4.07
5.3	Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp phát huy tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập của sinh viên	1.01	0.34	13.58	61.27	23.81	4.07
5.4	Giảng viên giải đáp đầy đủ và kỹ lưỡng các thắc mắc của sinh viên	1.06	0.21	13.28	61.53	23.91	4.07
5.5	Giảng viên truyền đạt rõ ràng, đầy đủ các nội dung học phần	1.05	0.21	12.71	61.84	24.19	4.08
5.6	Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách cho sinh viên	1.01	0.21	13.19	61.89	23.70	4.07
5.7	Giảng viên giúp sinh viên phát triển kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm	1.01	0.28	13.27	62.00	23.45	4.07
5.8	Giảng viên sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học	1.02	0.21	13.01	62.04	23.71	4.07

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.07-4.08).

Tiêu chí “Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 86.19%.

Tiêu chí “Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp phát huy tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập của sinh viên”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.35 %.

Bảng 6: Tổ chức, quản lý học phần

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
6.1	Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện	1.02	0.33	13.10	61.49	24.06	4.07
6.2	Sinh viên hài lòng về các nội quy, quy định khi học học phần	1.00	0.24	13.31	62.05	23.39	4.07
6.3	Sinh viên được cung cấp đầy đủ về phương pháp giảng dạy và học tập trước khi học học phần	1.00	0.22	12.85	62.22	23.71	4.07
6.4	Sinh viên được cung cấp đầy đủ về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi học học phần	0.99	0.15	13.01	62.45	23.39	4.07
6.5	Lịch giảng được đảm bảo đúng tiến độ học tập	0.98	0.17	12.97	61.96	23.91	4.08
6.6	Hoạt động tự học của sinh viên được giám sát, đánh giá hiệu quả	0.96	0.17	13.32	61.92	23.62	4.07
6.7	Sinh viên được trợ giúp và tư vấn nhiệt tình trong suốt quá trình học tập	1.01	0.15	12.84	62.14	23.86	4.08

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.07-4.08).

Tiêu chí “Sinh viên được trợ giúp và tư vấn nhiệt tình trong suốt quá trình học tập” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 86.00 %.

Tiêu chí “Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.35 %

Bảng 7: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
7.1	Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học.	0.98	0.18	12.41	62.40	24.03	4.08
7.2	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu	0.96	0.22	13.26	62.33	23.23	4.07
7.3	Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan	0.97	0.14	12.83	62.27	23.80	4.08
7.4	Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập	0.94	0.19	13.00	62.01	23.86	4.08
7.5	Sinh viên được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra	0.96	0.15	12.77	62.47	23.65	4.08

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.07 - 4.08).

Tiêu chí “Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 86.43%.

Tiêu chí “Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.18 %

Bảng 8: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy - học

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
8.1	Giáo trình, tài liệu tham khảo được cung cấp đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên	0.97	0.15	12.81	62.30	23.77	4.08
8.2	Cơ sở vật chất khi học học phần: bàn ghế đầy đủ, phòng học rộng rãi, thoáng mát	0.95	0.18	13.80	62.19	22.88	4.06
8.3	Trang thiết bị phục vụ học tập đầy đủ, chất lượng tốt	0.98	0.15	13.62	61.99	23.27	4.06
8.4	Phòng tự học lý thuyết đáp ứng nhu cầu của sinh viên	0.93	0.12	13.83	61.92	23.19	4.06

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.06 - 4.08) tiêu chí 8.4 có điểm trung bình cao nhất và tiêu chí 8.2 có điểm trung bình thấp nhất.

Tiêu chí “Giáo trình, tài liệu tham khảo được cung cấp đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 86.07%.

Tiêu chí “Cơ sở vật chất khi học học phần: bàn ghế đầy đủ, phòng học rộng rãi, thoáng mát”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.13 %

3.5. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần thực hành

Bảng 9: Nội dung, chất lượng học phần đối với các học phần thực hành

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
9.1	CĐR/Mục tiêu học phần nêu rõ kiến thức và kỹ năng sinh viên cần đạt được	1.36	0.18	12.58	57.74	28.15	4.11
9.2	Thời lượng học phần được phân bố hợp lý cho các hình thức học tập	1.31	0.20	12.09	59.45	26.95	4.11
9.3	Nội dung học phần có sự gắn kết, liên mạch với các học phần đã học, đang học	1.31	0.16	11.96	58.54	28.03	4.12
9.4	Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của sinh viên	1.29	0.13	11.67	59.65	27.26	4.11
9.5	Nội dung thực hành, tài liệu tham khảo được cập nhật, phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	1.29	0.11	12.58	58.09	27.92	4.11
9.6	Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	1.31	0.07	12.16	59.12	27.35	4.11

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.11 - 4.12)

Tiêu chí “Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của sinh viên” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 86.91%.

Tiêu chí “CĐR/Mục tiêu học phần nêu rõ kiến thức và kỹ năng sinh viên cần đạt được” có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.54 %.

Bảng 10. Hoạt động giảng dạy đối với các học phần thực hành

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
10.1	Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định	1.20	0.13	11.34	58.94	28.39	4.13
10.2	Giảng viên phổ biến đầy đủ mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần	1.18	0.20	11.74	59.03	27.86	4.12
10.3	Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp phát huy tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập, làm việc nhóm của sinh viên	1.22	0.18	12.67	58.76	27.17	4.10
10.4	Giảng viên giải đáp đầy đủ và kỹ lưỡng các thắc mắc của sinh viên	1.16	0.18	11.85	59.12	27.70	4.12
10.5	Giảng viên hướng dẫn sinh viên sử dụng trang thiết bị thực hành an toàn, đúng quy trình	1.18	0.11	11.78	59.32	27.61	4.12
10.6	Giảng viên luôn giám sát, uốn nắn, kèm cặp sinh viên thực hành và điều chỉnh kịp thời	1.18	0.24	12.03	58.80	27.75	4.12
10.7	Giảng viên luôn quan tâm giáo dục ý thức thực hành nghề nghiệp cho sinh viên	1.24	0.13	11.98	58.96	27.68	4.12

Nhận xét

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.10 - 4.13).

Tiêu chí “Giảng viên phổ biến đầy đủ mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần ” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 86.89 %.

Tiêu chí “Giảng viên luôn giám sát, uốn nắn, kèm cặp sinh viên thực hành và điều chỉnh kịp thời” có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.42 %.

Bảng 11: Tổ chức, quản lý dạy học đối với các học phần thực hành

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
11.1	Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện	1.18	0.20	11.67	59.45	27.50	4.12
11.2	Sinh viên hài lòng về các nội quy, quy định khi học học phần	1.16	0.18	11.76	59.20	27.70	4.12
11.3	Sinh viên được cung cấp đầy đủ về phương pháp giảng dạy và học tập trước khi học học phần	1.16	0.11	11.87	59.34	27.52	4.12
11.4	Sinh viên được cung cấp đầy đủ về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi học học phần	1.13	0.13	11.61	59.96	27.17	4.12
11.5	Lịch giảng được đảm bảo đúng tiến độ học tập	1.16	0.16	11.74	59.38	27.57	4.12
11.6	Hoạt động tự học của sinh viên được giám sát, đánh giá hiệu quả	1.20	0.11	11.65	59.16	27.88	4.12
11.7	Sinh viên được trợ giúp và hướng dẫn nhiệt tình trong suốt quá trình học tập	1.18	0.16	11.78	59.36	27.52	4.12

Nhận xét

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt đạt 4.12 điểm

Tiêu chí “Sinh viên được cung cấp đầy đủ về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi học học phần” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 87.13 %.

Tiêu chí “Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện” có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.38 %.

**Bảng 12: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với các học phần
thực hành**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
12.1	Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học.	1.20	0.16	11.09	59.67	27.88	4.13
12.2	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu	1.16	0.24	12.01	59.74	26.86	4.11
12.3	Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan	1.16	0.13	11.61	60.00	27.10	4.12
12.4	Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập	1.18	0.16	11.54	59.65	27.48	4.12
12.5	Sinh viên được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra	1.20	0.18	11.92	59.32	27.39	4.12

Nhận xét

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.11-4.13).

Tiêu chí “Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 87.55 %.

Tiêu chí “Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu” có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.40 %.

Bảng 13: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy - học đối với các học phần thực hành

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
13.1	Giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên	1.16	0.16	11.09	59.72	27.88	4.13
13.2	Vật tư, hóa chất tiêu hao được đáp ứng đầy đủ	1.13	0.13	12.34	59.16	27.23	4.11
13.3	Cơ sở vật chất khi học học phần: bàn ghế đầy đủ, phòng học rộng rãi, thoáng mát....	1.16	0.11	12.07	59.29	27.37	4.12
13.4	Trang thiết bị thực hành phục vụ học tập đầy đủ, chất lượng tốt	1.18	0.18	12.09	59.03	27.52	4.12

Nhận xét

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.11-4.13) trong đó tiêu chí 13.1 có điểm trung bình cao nhất.

Tiêu chí “Giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 87.6 %.

Tiêu chí “Trang thiết bị thực hành phục vụ học tập đầy đủ, chất lượng tốt”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.36 %.

3.6. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần lâm sàng

Bảng 14 : Nội dung, chất lượng học phần lâm sàng

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
14.1	CĐR/Mục tiêu học phần phù hợp với nhu cầu thực tế lâm sàng	0.00	0.00	15.00	63.00	22.00	4.05
14.2	Thời lượng học phần được phân bố hợp lý	0.00	1.00	15.00	64.00	20.00	4.03
14.3	Nội dung học phần gắn với đặc điểm ngành nghề	0.00	0.00	14.00	64.00	22.00	4.06
14.4	Nội dung kiến thức có tính cập nhật, hiện đại	0.00	0.00	14.00	64.00	22.00	4.07
14.5	Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của sinh viên	0.00	0.00	14.00	64.00	21.00	4.05
14.6	Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	0.00	0.00	14.00	63.00	22.00	4.06

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.03-4.07).

Tiêu chí “Nội dung học phần gắn với đặc điểm ngành nghề” và “Nội dung kiến thức có tính cập nhật, hiện đại” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 86.00 %.

Tiêu chí “Thời lượng học phần được phân bố hợp lý”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.00%.

Bảng 15: Hoạt động dạy học lâm sàng

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
15.1	Giảng viên phổ biến đầy đủ CDR/mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần lâm sàng	0.00	0.00	13.00	64.00	22.00	4.07
15.2	Được Trưởng khoa(hoặc BS tại khoa) giới thiệu về khoa, cơ cấu bệnh tật, các kỹ thuật/thủ thuật, nội quy khoa	0.00	0.00	14.00	65.00	21.00	4.06
15.3	Được giảng viên giảng lâm sàng tại giường bệnh theo chủ đề	0.00	0.00	14.00	63.00	22.00	4.07
15.4	Được giảng lâm sàng đầy đủ các nội dung như trong đề cương chi tiết học phần	0.00	0.00	14.00	64.00	21.00	4.05
15.5	Giảng viên quan tâm rèn kỹ năng tay nghề cho sinh viên trong khi dạy- học lâm sàng	0.00	0.00	14.00	64.00	22.00	4.06
15.6	Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách, giao tiếp ứng xử cho sinh viên khi tiếp xúc người bệnh, gia đình bệnh nhân	0.00	0.00	13.00	65.00	21.00	4.07
15.7	Giảng viên phân tích và chỉ ra các sai sót y khoa cần tránh khi thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật	0.00	0.00	14.00	63.00	22.00	4.07

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.05 - 4.07), được SV đánh giá từ mức 3 (bình thường) trở lên.

Bảng 16: Tổ chức, quản lý dạy học lâm sàng

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
16.1	Thầy/ cô của Khoa gặp mặt phổ biến nội dung, kế hoạch trước các vòng lâm sàng	0.00	0.00	12.00	65.00	22.00	4.09
16.2	Lịch giảng lâm sàng được thông báo rõ ràng, cụ thể và hợp lý	0.00	0.00	13.00	65.00	21.00	4.06
16.3	Được phân công cụ thể bác sĩ tại khoa kèm cặp trong thực tập lâm sàng	0.00	0.00	13.00	65.00	22.00	4.07
16.4	Được giao ban chuyên môn với khoa (hoặc giao ban sinh viên) hàng sáng	0.00	0.00	13.00	64.00	22.00	4.06
16.5	Giảng viên quản lý sinh viên thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm khi kết thúc vòng lâm sàng	0.00	0.00	13.00	64.00	22.00	4.07

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.06-4.09), được SV đánh giá từ mức 3 (bình thường) trở lên.

Bảng 17: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập lâm sàng

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
17.1	Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá công bằng, khách quan	0.00	0.00	13.00	64.00	22.00	4.08
17.2	Phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu và giúp hoàn thiện năng lực cho sinh viên	0.00	0.00	13.00	65.00	21.00	4.08
17.3	Kết quả kiểm tra đánh giá được thông báo đến sinh viên ngay sau khi kết thúc vòng lâm sàng theo đúng quy định	0.00	0.00	13.00	65.00	21.00	4.07
17.4	Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập	0.00	0.00	13.00	66.00	21.00	4.07
17.5	Sinh viên được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra	0.00	0.00	13.00	65.00	21.00	4.07

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.07-4.08), được SV đánh giá từ mức 3 (bình thường) trở lên.

Bảng 18: Cơ sở vật chất, trang thiết bị/phương tiện, vật liệu dạy học và các điều kiện khác đảm bảo cho việc học tập lâm sàng

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
18.1	Tại khoa có đủ mặt bệnh như đề cương chi tiết học phần lâm sàng	0.00	0.00	12.00	64.00	23.00	4.09
18.2	Cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng nhu cầu học tập	0.00	0.00	14.00	64.00	21.00	4.06
18.3	Lưu lượng sinh viên thực tập tại khoa là phù hợp	0.00	0.00	13.00	65.00	22.00	4.07
18.4	Có sự phối hợp tốt giữa các SV trong nhóm thực hành lâm sàng	0.00	0.00	13.00	65.00	22.00	4.08

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.06-4.09), được SV đánh giá từ mức 3 (bình thường) trở lên.

4. Kết luận chung

4.1. Một số kết quả đạt được:

- Có sự phối hợp tốt giữa các Phòng chức năng, Khoa/Bộ môn trong việc vận động sinh viên tham gia phản hồi về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Kết quả tỷ lệ sinh viên phản hồi > 93%.

- Đối với các khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy các học phần lý thuyết:

+ Đã tiến hành khảo sát được 90 giảng viên, giảng 167 học phần lý thuyết, trong đó có 28.14% số giảng viên được sinh viên phản hồi đạt mức xuất sắc, 71.26% giảng viên đạt mức tốt và 0.60% đạt mức khá

+ Tỷ lệ sinh viên đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung học phần; hoạt động giảng dạy và hoạt động kiểm tra đánh giá của giảng viên toàn trường đều đạt mức tốt, từ 82 % trở lên.

- Đối với khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy các học phần thực hành:

+ Đã khảo sát 79 giảng viên giảng 179 học phần thực hành trong đó có 36.31 % số giảng viên được sinh viên phản hồi đạt mức xuất sắc, 62.57 % giảng viên đạt mức tốt và 1.12% giảng viên đạt mức khá.

+ Tỷ lệ sinh viên đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung học phần, hoạt động giảng dạy và hoạt động kiểm tra đánh giá của giảng viên toàn trường đạt mức tốt, từ 87 % trở lên.

- Đối với khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động dạy học lâm sàng:

+ Đã khảo sát được 28 lớp với 1688 sinh viên tham gia khảo sát, đạt tỷ lệ 93.7%.

+ Tỷ lệ sinh viên đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung, chất lượng học phần, tổ chức hoạt động dạy học lâm sàng và hoạt động kiểm tra đánh giá đạt mức tốt, từ 84 % trở lên.

4.2. Một số vấn đề tồn tại:

- Còn tỉ lệ nhỏ ý kiến sinh viên “ Không đồng ý” và “ Hoàn toàn không đồng ý” ở các tiêu chí khảo sát học phần lý thuyết và thực hành(từ 1.06-1.53%)

- Còn tỉ lệ nhỏ sinh viên không tham gia khảo sát dù đã được Phòng/Khoa/BM đơn đốc: với HP lý thuyết là 5%, với HP thực hành là 3.5 %, với HP lâm sàng là 6.3%.

- Còn một vài ý kiến góp ý với từng giảng viên giảng dạy học phần về nội dung học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá.

- Còn 5 học phần lý thuyết tương ứng 10 GV và 5 học phần thực hành tương ứng 11 GV cùng dạy chung học phần không thể khảo sát được từng GV mà chỉ có đánh giá chung cho học phần.

- Còn 5 học phần lý thuyết và 3 học phần thực hành nhưng trên phần mềm QLĐT không gán tên cho GV dẫn đến SV không đánh giá được GV.

- Phần mềm khảo sát người học đã được nâng cấp tuy nhiên vẫn còn một số lỗi sau:

+ Phần theo dõi sinh viên thực hiện khảo sát: không thống kê được tỉ lệ sinh viên tham gia khảo sát theo Khoa/BM.

+ Phần góp ý của sinh viên về GV: kết quả khi xuất dữ liệu SV không ý kiến phần mềm vẫn xuất dữ liệu.

- Do dịch COVID-19 nên việc triển khai hoạt động dạy học lâm sàng còn gặp nhiều khó khăn. Còn một số ý kiến phản ánh việc thiếu phòng học lâm sàng, giáo trình hướng dẫn thực hiện mục tiêu lâm sàng, tổ chức phân nhóm đi lâm sàng, chưa được thực hành nhiều, giảng viên đi giảng dạy lâm sàng tại các viện còn thiếu kinh nghiệm chưa nhiệt tình hướng dẫn SV.

4.3. Đối chiếu kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên kỳ I năm học 2019-2020.

Bảng 19: Kết quả khảo sát

Nội dung	Kỳ II năm học 2019-2020	Kỳ II năm học 2020-2021
HP khảo sát (HP)		
-Lý thuyết	216	167
-Thực hành	139	179
-Lâm sàng	27	28
GV khảo sát (Người)		
-Lý thuyết	81	90
-Thực hành	64	79
Xếp loại HP		
-Lý thuyết	19.4% xuất sắc, 78.7% tốt, 1.38% khá	28.14% xuất sắc, 71.26% tốt, 0.60% khá
-Thực hành	29.49% xuất sắc, 70.5% tốt, 0% khá	36.31% xuất sắc, 62.57% tốt, 1.12% khá

Nhận xét:

- Số học phần khảo sát lý thuyết giảm 49 HP so với kỳ II năm học 2019-2020 do tình hình dịch bệnh COVID nên đối tượng VLVH không thực hiện được khảo sát bằng hình thức phát phiếu trực tiếp.

- Số học phần thực hành tăng 40 học phần so với kỳ II năm học 2019-2020 do: Nhà trường huy động 510 SV đi chống dịch tại thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương nên khi chống dịch trở về Nhà trường mở nhiều lớp thực hành cho SV giúp SV hoàn thành chương trình học đúng hạn.

- Kết quả xếp loại HP: tỷ lệ HP lý thuyết đạt xuất sắc tăng (8.74 %); HP thực hành đạt xuất sắc tăng (6.82%)

4.4 Biện pháp cải tiến chất lượng

Theo kết quả báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của sinh viên chính quy và VLVH về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II năm học 2020-2021, Hiệu trưởng yêu cầu:

- Phòng Khảo thí và BDCLGD là đầu mối kết hợp với Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác quản lý sinh viên, Phòng Công nghệ thông tin, các Khoa/Bộ môn tiếp tục phối hợp chặt chẽ để tuyên truyền ý nghĩa của đợt khảo sát, đôn đốc sinh viên tham gia phản hồi đánh giá giảng viên trong các học kỳ tiếp theo.

- Phòng QLĐT cần kết hợp Khoa/Bộ môn thống nhất danh sách giảng viên giảng dạy các học phần trên phần mềm QLĐT ngay từ đầu học kỳ và cập nhật khi có sự thay đổi.

- Phòng KT&BDCLGD phối hợp phòng CNTT làm việc với bên phần mềm khảo sát người học Unirate nhằm khắc phục những vấn đề tồn tại đã nêu để triển khai hoạt động khảo sát kỳ I năm học 2021-2022 đạt hiệu quả cao.

- Khoa/Bộ môn căn cứ kết quả khảo sát, tổ chức họp rút kinh nghiệm xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng đào tạo cho học kỳ I năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo. 

Nơi nhận:

- Hội đồng Trường ;
- Ban Giám hiệu ;
- Các đơn vị;
- Lưu VT, KT&BDCLGD.



HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Diệu Hằng